



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA NGHỆ THUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **Đồ án tốt nghiệp ngành Đạo diễn điện ảnh truyền hình**
- Tên tiếng Anh: Graduation thesis in Film and Television Directing
- Mã học phần: ...
- Số tín chỉ: 9 (0/9/0) [A: số tín chỉ của HP, a: số tín chỉ lý thuyết, b: số tín chỉ thực hành/thực tập/ đồ án/ khóa luận:, $c = 2 \times a$: số tín chỉ tự học]
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần: Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: không
- Đơn vị phụ trách: Khoa Nghệ thuật
- Số giờ tín chỉ: 405 giờ, trong đó:
- Lý thuyết: 0 tiết (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
- Thực hành: 0 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
- Thực tập: 0 giờ (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
- Đồ án/ Khóa luận: 405 giờ (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Việt Đức
- Chức danh, học vị: Giảng viên, P.GS, Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0987660199
- Email: vietducms@gmail.com

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Phạm Ngọc Hiền
- Chức danh, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Nghệ thuật - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0903676710

- Email: ngochienbiendao@gmail.com

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần khóa luận tốt nghiệp ngành Đạo diễn điện ảnh truyền hình là một dự án cuối cùng của sinh viên trước khi hoàn thành chương trình học. Trong học phần này, sinh viên phải thực hiện một dự án hoặc tiểu luận nghiên cứu liên quan đến một chủ đề trong lĩnh vực điện ảnh và truyền hình. Dự án có thể là một phim ngắn, phim tài liệu, hoặc một tác phẩm truyền hình, cho phép sinh viên thể hiện kiến thức và kỹ năng đã học được trong quá trình học. Khóa luận tốt nghiệp yêu cầu sinh viên tự chủ trong việc chọn chủ đề, lên kế hoạch và quản lý dự án, từ giai đoạn tiền sản xuất đến hậu kỳ. Sinh viên phải thực hiện công việc nghiên cứu, phát triển kịch bản, quay phim, chỉnh sửa, và xử lý hậu kỳ để tạo ra sản phẩm cuối cùng đạt chất lượng. Bên cạnh đó, sinh viên phải chuẩn bị một báo cáo phân tích chi tiết về quá trình thực hiện dự án, những khó khăn gặp phải và cách giải quyết, cũng như các bài học rút ra. Khóa luận tốt nghiệp đòi hỏi sinh viên trình bày kết quả của mình trước hội đồng đánh giá, trình bày sản phẩm và bảo vệ ý tưởng, cũng như trả lời các câu hỏi từ hội đồng.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về quy trình sản xuất phim, từ giai đoạn lên ý tưởng đến hậu kỳ, và khả năng phân tích, đánh giá các tác phẩm điện ảnh truyền hình.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình sản xuất phim, kỹ thuật quay phim, chỉnh sửa hậu kỳ, và phân tích các tác động của điện ảnh đối với xã hội.
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu quy trình sản xuất phim và truyền hình, bao gồm biên kịch, đạo diễn, quay phim, hậu kỳ và quản lý dự án. Người học cũng được trang bị kỹ năng nghiên cứu và phân tích, cho phép họ khám phá các xu hướng và thách thức trong ngành, cũng như đánh giá tác động của điện ảnh và truyền hình đến xã hội.
- Trang bị kiến thức về cách lên kế hoạch, tổ chức và quản lý các dự án phim hoặc chương trình truyền hình, từ giai đoạn ý tưởng đến hoàn thành sản phẩm. Các kỹ thuật và quy trình sản xuất phim và truyền hình, bao gồm quay phim, ánh sáng, âm thanh, diễn xuất, và biên tập. Tiếp cận và học cách sử dụng các công nghệ mới trong sản xuất và hậu kỳ, bao gồm chỉnh sửa, xử lý hình ảnh, và hiệu ứng đặc biệt.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Hiểu biết vững về các khía cạnh cơ bản và tiên tiến của công nghệ điện ảnh và truyền hình.
CLO2	Hiểu biết sâu sắc về quy trình sản xuất, biên tập và phân phối nội dung truyền hình và điện ảnh.
Kỹ năng	
CLO3	Phát triển khả năng nghiên cứu, phân tích và tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để áp dụng vào dự án khóa luận.
CLO4	Thực hiện các kỹ năng thực hành cần thiết trong lĩnh vực công nghệ điện ảnh và truyền hình, bao gồm quay phim, biên tập, hiệu ứng đặc biệt, và kỹ thuật hóa trang.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO5	Phát triển khả năng lên kế hoạch và tự quản lý thời gian để hoàn thành dự án khóa luận đúng hạn và đạt chất lượng cao.
CLO6	Tự chủ trong việc đề xuất, thiết kế và thực hiện dự án khóa luận, đồng thời chịu trách nhiệm về kết quả và hiệu suất của dự án.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1	X	X			X							
CLO2	X								X			
CLO3				X			X					
CLO4				X					X			X
CLO5							X			X	X	
CLO6	X		X					X				

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Chương 1	Lập kế hoạch nghiên cứu:	CLO2, CLO5
1.1	Xác định và mô tả rõ ràng vấn đề nghiên cứu.	
1.2	Thiết lập mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu cụ thể.	
Chương 2	Tìm hiểu và thu thập tài liệu:	CLO3, CLO4, CLO6
2.1	Nghiên cứu các tài liệu, bài báo, sách và nguồn thông tin khác liên quan đến vấn đề nghiên cứu.	
2.2	Thu thập dữ liệu và thông tin từ nhiều nguồn khác nhau.	
Chương 3	Phân tích và đánh giá dữ liệu:	CLO1, CLO3
3.1	Áp dụng các phương pháp phân tích dữ liệu phù hợp để trả lời câu hỏi nghiên cứu.	
3.2	Đánh giá và diễn giải kết quả thu được từ dữ liệu.	
Chương 4	Thực hiện dự án hoặc nghiên cứu:	CLO2, CLO3, CLO6
4.1	Thực hiện các phần của dự án hoặc nghiên cứu dựa trên kế hoạch đã lập trước đó.	
4.2	Sử dụng các công nghệ và kỹ thuật phù hợp để thực hiện dự án.	
Chương 5	Viết báo cáo hoặc bài luận:	CLO1, CLO4
	Tổ chức và trình bày kết quả của dự án hoặc nghiên cứu theo cấu trúc của một báo cáo hoặc bài luận học thuật.	
Chương 6	Trình bày và bảo vệ dự án:	CLO3, CLO4, CLO5
	Tham gia vào quá trình bảo vệ dự án trước một hội đồng hoặc ban giám khảo.	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	CLO1, CLO4

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
	- Sinh viên lên kế hoạch cụ thể cho dự án hoặc nghiên cứu của mình, bao gồm việc xác định mục tiêu, phương pháp nghiên cứu, và lịch trình thực hiện. - Thu thập dữ liệu từ các nguồn đáng tin cậy như sách, bài báo, trang web chính thống, hoặc thậm chí dữ liệu trực tuyến.	
6.2.2.	Bài tập nhóm	CLO3, CLO4, CLO5
	- Thành viên nhóm phối hợp để lập kế hoạch, thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và thực hiện các phần của dự án hoặc nghiên cứu.	

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Lập kế hoạch nghiên cứu:	0	0	10	0		
2	Tìm hiểu và thu thập tài liệu:	0	0	20	0		
3	Phân tích và đánh giá dữ liệu:	0	0	10	0		
4	Thực hiện dự án hoặc nghiên cứu:	0	0	20	0		
5	Viết báo cáo hoặc bài luận:	0	0	20	0		
6	Trình bày và bảo vệ dự án:	0	0	10	0		
Tổng		0	0	90	0		

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Bài tập và dự án thực tế
- Phân tích và đánh giá tác phẩm
- Hội thảo và thảo luận

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Bài tập và dự án thực tế	X	X			X					X		
Phân tích và đánh giá tác phẩm	X			X			X	X				
Hội thảo và thảo luận			X		X					X		

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Thuyết trình	X	X								X		
Làm việc nhóm	X			X			X			X		
Tự học, tự nghiên cứu			X		X					X		

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- Điểm chuyên cần: 2/10, trọng số 8%.
- Điểm kiểm tra thường xuyên: 3/10, trọng số 12%.
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: 5/10, trọng số 20%.

2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: Đồ án

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10	CLO11	CLO12
Quá trình	X		X		X		X		X		X	X
Đồ án	X		X				X			X		X

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản trong 05 năm trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

1. Phạm Mạnh Sơn & Nguyễn Phương Anh (2023), *Báo cáo đồ án tốt nghiệp: Phim thể nghiệm “Ngày thứ ba”*, Trường Đại học Kinh tế – Đại học Huế.
2. Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội (2019), *Báo cáo tốt nghiệp chuyên ngành Quay phim Điện ảnh – Truyền hình, Khóa 35*, NXB Nội bộ.
3. Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh TP. HCM (2020), *Tuyển tập đồ án tốt nghiệp đạo diễn điện ảnh hệ vừa học vừa làm*, NXB Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh TP. HCM.
4. Nguyễn Trung Kiên (2021), *Hướng dẫn xây dựng và triển khai đồ án tốt nghiệp điện ảnh*, NXB Văn hóa – Văn nghệ TP. HCM.

5. Bùi Thị Hồng Vân (2020), *Phương pháp nghiên cứu và trình bày đồ án trong điện ảnh truyền hình*, NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

13.2. Tài liệu tham khảo

1. Đình Quang, 1997, Ảnh hưởng của nền sân khấu Xô Viết với sân khấu Việt Nam, Tạp chí Sân khấu – Số 9.
2. Hoàng Sự, 2002, Vấn đề thi pháp kịch Chekhov – NXB Văn học.
3. Nguyễn Du, 2018, Truyện Kiều, Đào Duy Anh hiệu khảo, chú giải, NXB Văn học.
4. Nguyễn Đình Thi, 2008, Tiếng nói Sân Khấu, NXB Văn học.
5. Nguyễn Thị Minh Thái, 1999, Sân khấu và tôi, NXB Sân khấu
6. Trần Trí Trắc, 1995, Kịch nói Việt Nam với nghệ thuật sân khấu truyền thống, NXB Sân Khấu.
7. Richard D.Labe (2020), Âm thanh trong phim điện ảnh – truyền hình (dịch giả Nguyễn Kim Cương), NXB Hội nhà văn.
8. Richard D.labe (2020), Nghệ thuật đạo diễn phim truyện (dịch giả Nguyễn Kim Cương), NXB Hội nhà văn.

TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm

Hiệu trưởng
Duyệt

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)